KPMG

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ
sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng
Thông tin về Công ty

Giấy phép Thành lập và Hoạt động số	24/UBCK-GP	ngày 28 tháng 12 năm 2007
	36/GPĐC-UBCK	ngày 3 tháng 12 năm 2013
	40/GPĐC-UBCK	ngày 31 tháng 12 năm 2013
	23/GPĐC-UBCK	ngày 3 tháng 9 năm 2015
	Giấy phép Thành lập và Hoạt động và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.	
Hội đồng Quản trị	Ông Albert Kwang - Chin Ting	Chủ tịch
	Ông Ho, Feng - Tao	Thành viên
	Ông Wu, Jin - Jeng	Thành viên
	Ông Hsieh, Chih - Kan	Thành viên
	Bà Huang, Wan - Hui	Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Ho, Feng - Tao	Tổng Giám đốc
Ban Kiểm soát	Ông Liew, Sep - Siang	Trưởng ban
	Ông Lii, San - Rong	Thành viên
	Bà Kuo, Chih - Chia	Thành viên
Trụ sở đăng ký	Tầng 5, Tòa nhà Cresent Residence 3 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng
Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị Công ty:

(a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 28 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và

(b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Hội đồng Quản trị Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Hội đồng Quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG

Albert Kwang - Chin Ting
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 8 năm 2016

KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt phát hành ngày 5 tháng 8 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 28.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

KPMG Limited, a Vietnamese limited liability company and a member firm of the KPMG network of independent member firms affiliated with KPMG International Cooperative ("KPMG International"), a Swiss entity.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam
Báo cáo soát xét số: 16-01-415/1

Trương Vĩnh Phúc
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 1901-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 8 năm 2016

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B01a-CTQ

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	**100**		**28.014.499.308**	**27.793.788.509**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4**	**2.607.266.947**	**1.228.881.956**
Tiền	111		607.266.947	1.228.881.956
Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**25.000.000.000**	**25.000.000.000**
Đầu tư ngắn hạn	121	5	25.000.000.000	25.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**393.568.893**	**1.469.262.295**
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	6	55.454.139	-
Phải thu khác	135	7	338.114.754	1.469.262.295
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**13.663.468**	**95.644.258**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		13.663.468	95.644.258
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 260)	**200**		**133.333.097**	**133.333.097**
Tài sản cố định	**220**		**-**	**-**
Tài sản cố định vô hình	227	8	-	-
Nguyên giá	*228*		397.464.302	397.464.302
Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		(397.464.302)	(397.464.302)
Tài sản dài hạn khác	**260**		**133.333.097**	**133.333.097**
Tài sản dài hạn khác	268	9	133.333.097	133.333.097
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**28.147.832.405**	**27.927.121.606**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B01a-CTQ

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	**300**		**84.350.395**	**158.566.463**
Nợ ngắn hạn	**310**		**84.350.395**	**158.566.463**
Phải trả người bán	312		-	90.290.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	10.770.495	19.235.930
Phải trả người lao động	315		73.579.900	49.040.533
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	**400**		**28.063.482.010**	**27.768.555.143**
Vốn chủ sở hữu	**410**		**28.063.482.010**	**27.768.555.143**
Vốn cổ phần	411	11	39.000.000.000	39.000.000.000
Lỗ lũy kế	420		(10.936.517.990)	(11.231.444.857)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**28.147.832.405**	**27.927.121.606**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Mã số	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
Ngoại tệ			
▪ USD	005	2.760.764	2.905.928

Ngày 5 tháng 8 năm 2016

Người lập:	Người duyệt:
Nguyễn Hải Linh	Albert Kwang - Chin Ting
Kế toán trưởng	*Chủ tịch*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B02a-CTQ

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Doanh thu	**01**	**12**	**55.454.139**	**-**
Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**		**-**	**-**
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01 - 02)	**10**		**55.454.139**	**-**
Chi phí hoạt động kinh doanh	**11**		**-**	**-**
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	**20**		**55.454.139**	**-**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	13	1.122.025.771	919.532.149
Chi phí tài chính	22	14	22.459	1.619.806
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	15	882.530.584	968.950.924
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 25}	**30**		**294.926.867**	**(51.038.581)**
Chi phí khác	32		-	10.250.000
Lỗ từ các hoạt động khác (40 = - 32)	**40**		**-**	**(10.250.000)**
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**294.926.867**	**(61.288.581)**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**51**	**16**	**-**	**-**
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	**52**	**16**	**-**	**-**
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 - 51- 52)	**60**		**294.926.867**	**(61.288.581)**

Ngày 5 tháng 8 năm 2016

Người lập:	Người duyệt:
Nguyễn Hải Linh	Albert Kwang - Chin Ting
Kế toán trưởng	*Chủ tịch*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
(Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B03a-CTQ

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền chi trả cho người lao động	03	(420.454.158)	(441.978.295)
Tiền chi nộp thuế cho Nhà nước	05	(32.567.694)	(41.694.977)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	50.000.000.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(50.421.766.469)	(582.140.116)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**(874.788.321)**	**(1.065.813.388)**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và mua các công cụ nợ	23	-	(25.000.000.000)
Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	24	-	21.500.000.000
Tiền thu lãi	27	2.253.173.312	1.340.869.450
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**2.253.173.312**	**(2.159.130.550)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30)	**50**	**1.378.384.991**	**(3.224.943.938)**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**1.228.881.956**	**5.327.737.956**
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh số 4)	**70**	**2.607.266.947**	**2.102.794.018**

Ngày 5 tháng 8 năm 2016

Người lập:	Người duyệt:
Nguyễn Hải Linh	Albert Kwang - Chin Ting
Kế toán trưởng	*Chủ tịch*

S.G.P: 23 - C.T.T.D
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG
QUẬN 7 - T. HỒ CHÍ MINH

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B05a-CTQ

	Vốn cổ phần VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	39.000.000.000	(11.231.444.857)	27.768.555.143
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	294.926.867	294.926.867
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	39.000.000.000	(10.936.517.990)	28.063.482.010

	Vốn cổ phần VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	39.000.000.000	(11.273.236.831)	27.726.763.169
Lỗ thuần trong kỳ	-	(61.288.581)	(61.288.581)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	39.000.000.000	(11.334.525.412)	27.665.474.588

Ngày 5 tháng 8 năm 2016

Người lập:	Người duyệt:
Nguyễn Hải Linh	Albert Kwang - Chin Ting
Kế toán trưởng	*Chủ tịch*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 24/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 28 tháng 12 năm 2007.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý các quỹ đầu tư tại Việt Nam và nước ngoài để thực hiện các hoạt động đầu tư tại Việt Nam; nhận các quỹ ủy thác đầu tư và quản lý các danh mục đầu tư; và cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp trong lĩnh vực tái cơ cấu tài chính, sáp nhập và mua lại, hợp nhất và chia tách các công ty.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có 8 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 9 nhân viên), trong đó những nhân viên sau có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp:

- Ông Nguyễn Nam Trung;
- Ông Lương Tôn Phiệt;
- Ông Nguyễn Chiến Trực
- Bà Hồ Thúy Ái;
- Ông Nguyễn Hoài Sơn; và
- Ông Ho, Feng - Tao.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ ("Thông tư 125") và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Công ty có lỗ lũy kế là 10.937 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (31/12/2015: lỗ lũy kế là 11.231 triệu VND). Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Hội đồng Quản trị cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu từ hoạt động nghiệp vụ và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(f) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(g) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận, nếu do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(h) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu và được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(i) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

  - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(j) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(k) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày báo cáo. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(l) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(m) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các bên liên quan cũng bao gồm các quỹ đầu tư được quản lý bởi Công ty.

(n) Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư theo yêu cầu tại Thông tư 125 nếu không được thể hiện trên báo cáo tài chính giữa niên độ này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
Tiền mặt tại quỹ	2.821.541	15.328.073
Tiền gửi ngân hàng	604.445.406	1.213.553.883
Các khoản tương đương tiền	2.000.000.000	-
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	2.607.266.947	1.228.881.956

5. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	Tại ngày 30/6/2016 và 31/12/2015	
	Số lượng	VND
Đầu tư ngắn hạn		
Trái phiếu doanh nghiệp có kỳ hạn gốc 12 tháng (i)	25	25.000.000.000

(i) Tại ngày 7 tháng 5 năm 2016, Công ty đã ký Phụ lục hợp đồng mua bán trái phiếu với bên phát hành để gia hạn ngày đáo hạn trái phiếu thêm tám (08) tháng (ngày đáo hạn mới là ngày 31 tháng 12 năm 2016) và giữ lãi suất năm ở mức 9%.

6. Phải thu hoạt động nghiệp vụ

	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ	55.454.139	-

Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

7. Các khoản phải thu khác

	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
Lãi phải thu	338.114.754	1.469.262.295

8. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Năm kết thúc ngày 31/12/2015 VND
Nguyên giá		
Số dư đầu kỳ/năm và số dư cuối kỳ/năm	397.464.302	397.464.302
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ/năm và số dư cuối kỳ/năm	397.464.302	397.464.302
Giá trị còn lại		
Số dư đầu kỳ/năm và số dư cuối kỳ/năm	-	-

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 397.464.302 VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (31/12/2015: 397.464.302 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

9. Tài sản dài hạn khác

Tài sản dài hạn khác phản ánh khoản tiền ký quỹ cho các hợp đồng thuê văn phòng.

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2015 VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	30/6/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	181.818		(181.818)	-
Thuế thu nhập cá nhân	19.054.112	21.102.259	(29.385.876)	10.770.495
	19.235.930	21.102.259	(29.567.694)	10.770.495

11. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	Tại ngày 30/6/2016 và 31/12/2015	
	Số cổ phiếu	**VND**
Vốn cổ phần được duyệt	3.900.000	39.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	3.900.000	39.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	3.900.000	39.000.000.000

Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Chi tiết các cổ đông của Công ty như sau:

	Tại ngày 30/6/2016 và 31/12/2015		
	Số cổ phiếu	**VND**	**% sở hữu**
Bà Đặng Thanh Thủy	1.989.000	19.890.000.000	51%
Ông Albert Kwang - Chin Ting	975.000	9.750.000.000	25%
Ông Kwang, Hung - Ting	936.000	9.360.000.000	24%
	3.900.000	39.000.000.000	100%

12. Doanh thu

Doanh thu từ hoạt động nghiệp vụ thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Phí quản lý từ hoạt động quản lý quỹ	55.454.139	-

Công ty hiện đang quản lý Quỹ Đầu tư Triển Vượng Việt Nam ("VPDF"), một quỹ đầu tư thành viên được thành lập tại Việt Nam. Chi tiết của quỹ đầu tư này như sau:

Tên viết tắt	Hoạt động chính	Thông báo Xác nhận Thành lập	Giá trị tài sản ròng tại ngày 30/6/2016 VND
VPDF	Đầu tư chứng khoán	Số 60/TB-UBCK ngày 11 tháng 4 năm 2016	49.957.603.153

Công ty được nhận phí quản lý và phí thưởng hoạt động từ VPDF. Phí quản lý bằng 0,5% giá trị tài sản ròng mỗi năm. Phí thưởng hoạt động chỉ được nhận khi Công ty đáp ứng được các điều kiện được nêu trong hợp hợp đồng dịch vụ quản lý quỹ tư. Không có khoản phí thưởng hoạt động nào phải thu từ VPDF cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 vì không được đáp ứng các điều kiện.

13. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Thu nhập lãi từ		
▪ Trái phiếu doanh nghiệp	1.118.852.459	568.662.699
▪ Tiền gửi ngân hàng	3.173.312	350.869.450
	1.122.025.771	919.532.149

14. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	22.459	-
Chi phí khác	-	1.619.806
	22.459	1.619.806

15. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Chi phí tiền lương và các chi phí liên quan khác	540.336.034	511.924.434
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	202.644.732	391.122.699
Chi phí khác	139.549.818	65.903.791
	882.530.584	968.950.924

16. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	294.926.867	(61.288.581)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	58.985.373	(12.257.716)
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.350.800	2.050.000
Lỗ tính thuế được sử dụng	(60.336.173)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	-	10.207.716
	-	-

(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2016		31/12/2015	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗ tính thuế	1.562.633.594	312.526.720	1.864.314.463	372.862.893

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản lỗ thuế chưa sử dụng bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của khoản mục đó.

Lỗ tính thuế sẽ hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND
2016	Chưa quyết toán	698.063.140
2017	Chưa quyết toán	864.570.454
		1.562.633.594

(c) Thuế suất áp dụng

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và 2015 là 20% do doanh thu của Công ty thấp hơn 20 tỷ VND theo hướng dẫn của Thông tư số 78/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2014.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2015 và mức này giảm xuống 20% từ năm 2016. Việc tính thuế thu nhập phụ thuộc vào việc soát xét và phê duyệt của cơ quan thuế.

17. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ các chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền (i)	2.604.445.406	1.213.553.883
Đầu tư vào chứng khoán nợ (ii)	25.000.000.000	25.000.000.000
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	55.454.139	-
Phải thu khác	338.114.754	1.469.262.295
Các tài sản tài chính khác	133.333.097	133.333.097
	28.131.347.396	27.816.149.275

(i) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(ii) Đầu tư vào chứng khoán nợ

Công ty giới hạn mức rủi ro tín dụng bằng cách đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp có rủi ro tín dụng thấp theo đánh giá của Hội đồng Quản trị. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các trái phiếu này và không cho rằng các khoản đầu tư trái phiếu này gây tổn thất cho Công ty.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	**Giá trị ghi sổ VND**	**Dòng tiền theo hợp đồng VND**	**Trong vòng 1 năm VND**
Phải trả người lao động	73.579.900	73.579.900	73.579.900

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	**Giá trị ghi sổ VND**	**Dòng tiền theo hợp đồng VND**	**Trong vòng 1 năm VND**
Phải trả người bán	90.290.000	90.290.000	90.290.000
Phải trả người lao động	49.040.533	49.040.533	49.040.533
	139.330.533	139.330.533	139.330.533

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015, ảnh hưởng rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty là không đáng kể vì Công ty không có trạng thái tiền tệ đáng kể nào đối với các loại tiền tệ khác VND.

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro giá trị hợp lý hoặc các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2016	**31/12/2015**
	VND	**VND**
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	2.604.445.406	1.213.553.883
Đầu tư vào chứng khoán nợ	25.000.000.000	25.000.000.000

(e) Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản nợ có thể được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, và mong muốn giao dịch trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	30/6/2016		31/12/2015	
	Giá trị ghi sổ VND	**Giá trị hợp lý VND**	**Giá trị ghi sổ VND**	**Giá trị hợp lý VND**
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	2.604.445.406	2.604.445.406	1.213.553.883	1.213.553.883
▪ Phải thu hoạt động nghiệp vụ	55.454.139	(*)	-	(*)
▪ Phải thu khác	338.114.754	(*)	1.469.262.295	(*)
▪ Các tài sản tài chính khác	133.333.097	(*)	133.333.097	(*)
Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:				
▪ Đầu tư vào chứng khoán nợ	25.000.000.000	(*)	25.000.000.000	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
▪ Phải trả người bán	-	(*)	(90.290.000)	(*)
▪ Phải trả người lao động	(73.579.900)	(*)	(49.040.533)	(*)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

18. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

	Giá trị giao dịch Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Số dư tại ngày	
	30/6/2016 VND	30/6/2015 VND	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
VPDF – Quỹ được Công ty quản lý				
Phí quản lý	55.454.139	-	55.454.139	-
Thù lao của nhân sự quản lý chủ chốt				
Tiền lương và các phúc lợi khác	172.776.000	172.776.000	28.796.000	23.390.250

19. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2016 VND	31/12/2015 VND
Trong vòng một năm	262.231.200	262.231.200
Trong vòng hai đến năm năm	764.841.000	917.809.200
	1.027.072.200	1.180.040.400

20. Yếu tố thời vụ hay chu kỳ

Các hoạt động của Công ty không chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố thời vụ hay chu kỳ ngoại trừ những khoản mục sau:

(a) Tiền thưởng cho nhân viên

Công ty chưa ghi nhận các khoản tiền thưởng vì không thể ước tính một cách đáng tin cậy khoản tiền thưởng này tại ngày 30 tháng 6 năm 2016.

(b) Thuế

Theo các quy định hiện hành về thuế, thuế thu nhập doanh nghiệp được tính và quyết toán tại thời điểm cuối năm. Thuế thu nhập doanh nghiệp giữa niên độ được tính bằng cách áp dụng mức thuế suất 20% đối với lợi nhuận trước thuế giữa niên độ.

Ngày 5 tháng 8 năm 2016

Người lập:	Người duyệt:
Nguyễn Hải Linh	Albert Kwang - Chin Ting
Kế toán trưởng	*Chủ tịch*